

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG XUÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/11/2020

V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Duyên

2. Ông Hồ Ngọc Ánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Thu Ba – Kiểm sát viên.

Vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 25 tháng 11 năm 2020 tại Tòa án Nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

- N đơn: Chị Nguyễn Thị Như K – Sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn S, xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thái N – Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Thôn PH A, xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và lời trình bày của N đơn chị Nguyễn Thị Như K tại phiên tòa như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thái N tự nguyện tìm hiểu khoảng 01 năm và kết hôn với nhau vào ngày 06/9/2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận. Sau khi kết hôn, cả hai chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi vã. Chị và anh N không sống chung từ năm 2016 đến nay. Thời gian dài không liên lạc giữa tôi và anh N dần không còn

tình cảm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên nộp đơn yêu cầu xin ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị K và anh N có 02 con chung là Nguyễn Thái L – Sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Thái T – Sinh ngày 03/02/2017. Nguyên vọng của chị K là trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, xây dựng hồ sơ, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Thái N để lấy lời khai, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh N không có mặt. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ để anh N tham gia phiên tòa nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

* Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì;

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Như K;

- Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận giao hai cháu Nguyễn Thái L – Sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Thái T – Sinh ngày 03/02/2017 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, mức cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không yêu cầu nên đề nghị HĐXX không xét giải quyết;

- Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị K phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Như K yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thái N, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện. Anh N đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã X, huyện Đ, tỉnh Phú Yên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ

tục tổng đạt thông báo về phiên họp tiếp cận, kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với anh N theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh N vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh N.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như K và anh Nguyễn Thái N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Ninh Thuận vào ngày 06/9/2014 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, cả hai anh chị sống chung với nhau hơn 02 năm, trong quá trình sống chung thời gian đầu hạnh phúc. Sau đó cả hai thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị K bỏ nhà đi về quê tại tỉnh Ninh Thuận sinh sống từ cuối năm 2016, sau đó thì không liên lạc với anh N. Quá trình thụ lý, giải quyết, Tòa án đã xác minh mẹ của anh N – bà Lê Thị Kim thì được biết anh N biết việc chị K nộp đơn xin ly hôn, tuy nhiên vì thường xuyên chạy xe nên không thể về để giải quyết ly hôn với chị K. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh N không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K.

[3]. Về con chung: Chị K và anh N có 02 con chung: Nguyễn Thái L – Sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Thái T – Sinh ngày 03/02/2017. Khi ly hôn, chị K có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu L và T, chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, hiện cả hai cháu đều đang do chị K trực tiếp nuôi dưỡng, tình cảm mẹ con, anh em gần gũi, chị K có công việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu. Chị K có đủ điều kiện, khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị K không yêu cầu nên HĐXX không xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị K phải chịu án phí HNGĐ-ST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn thị Như K.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Như K được ly hôn với anh Nguyễn Thái N.

[2] Về con chung: Giao hai cháu Nguyễn Thái L – Sinh ngày 05/01/2015 và Nguyễn Thái T – Sinh ngày 03/02/2017 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Như K phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST nhưng được trừ vào số tiền chị K đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng chẵn*) theo biên lai số AA/2015/0011344 ngày 20/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Phú Yên.

[3]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Như K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thái N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết công khai hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐX;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh PY;
- UBND xã X;
- UBND xã P;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Trung

